

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **112/2022/DS-ST**

Ngày: 20/6/2022

V/v tranh chấp “*Hợp đồng góp hui*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Bích Thiên**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Tấn Đạt**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Thúy**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Bùi Hồng Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022, về tranh chấp “*Hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 và Thông báo dời phiên tòa số 07/TB-TA ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Châu Kim G**, sinh năm xxxx (có mặt).

Địa chỉ: Số M, đường B, khu phố H2, thị trấn TH, huyện G, tỉnh T.

2. **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Hồng T (T1)**, sinh năm xxxx (có mặt).

Địa chỉ: Số M, đường B, khu phố H2, thị trấn TH, huyện G, tỉnh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 13/04/2022 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Châu Kim G trình bày:**

Anh T có tham gia hui do bà làm đầu thảo. Sau khi hốt hui, anh T không góp lại hui chết theo đúng thỏa thuận và hiện còn nợ lại bà tổng số tiền nợ hui là 50.680.000 đồng, đây là tiền nợ hui chết của các dây hui sau:

- Dây 1: Hui 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 25/10/2018 (âm lịch), hui gồm có 20 phần và mẫn hui ngày 25/4/2020 (âm lịch) tháng (4 nhuận). Anh T tham gia 01 phần và đóng được 03 phần thì hốt hui vào ngày 25/01/2019 (âm lịch) với số tiền là 30.400.000 đồng. Sau khi hốt hui, anh T chỉ đóng lại được 13 phần hui chết nên còn nợ lại 03 phần hui chết với số tiền là 6.000.000 đồng.

- Dây 2: Hui 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05/6/2019 (âm lịch), có 20 phần. Anh T tham gia 01 phần và đóng được 02 phần thì hốt hui vào ngày

05/8/2019 (âm lịch) với số tiền là 30.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi, anh T chỉ đóng lại 06 phần hụi chết và tính đến khi mãn hụi vào ngày 05/12/2020 (âm lịch) thì anh còn nợ lại 10 phần hụi chết với số tiền là 20.000.000 đồng.

- Dây 3: Hụi 2.000.0000 đồng/tháng, khai ngày 15/8/2019 (âm lịch) và có 20 phần. Anh T tham gia 01 phần và đóng được 05 phần thì hốt hụi vào ngày 15/01/2020 (âm lịch) với số tiền là 31.200.000 đồng. Sau khi hốt hụi, anh T chỉ đóng lại được 01 phần hụi chết nên tính đến khi mãn hụi vào ngày 15/02/2021 (âm lịch) thì anh còn nợ lại 13 phần hụi chết với số tiền là 26.000.000 đồng.

Các lần thỏa thuận góp hụi nêu trên, bà đều có lập sổ hụi để theo dõi và khi hụi viên góp hụi thì bà xác nhận vào sổ hụi do hụi viên giữ; khi giao hụi bà đều lập biên nhận, cụ thể:

- Biên nhận hụi hốt ngày 25/01/2019 (âm lịch) và giao ngày 25/01/2019 (âm lịch) đối với dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 25/10/2018 (âm lịch), có chữ ký và ghi họ tên “*Nguyễn Hồng T*” dưới dòng chữ “*Người nhận tiền*”.

- Biên nhận hụi hốt ngày 05/8/2019 (âm lịch), giao ngày 06/8/2019 (âm lịch) đối với dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 05/6/2019 (âm lịch), có chữ ký và ghi họ tên “*Nguyễn Hồng T*” dưới dòng chữ “*Người nhận tiền*”.

- Biên nhận hụi hốt ngày 15/01/2020 (âm lịch), giao ngày 17/01/2020 (âm lịch) đối với dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 15/8/2019 (âm lịch), có chữ ký và ghi họ tên “*Nguyễn Hồng T*” ở dưới dòng chữ “*Người nhận tiền*”.

Sau khi hốt hụi, do anh T không góp lại hụi chết đầy đủ nên bà phải vay mượn nợ nhiều nơi để đóng thay với tổng số tiền là 52.000.000 đồng. Năm 2021, anh T có trả cho bà được 1.320.000 đồng và còn nợ lại bà số tiền là 50.680.000 đồng và hứa mỗi tháng sẽ trả cho bà 1.000.000 đồng nhưng từ cuối năm 2021 đến nay anh T vẫn không thực hiện. Hiện bà đang gặp khó khăn về kinh tế nên yêu cầu anh T trả hết số nợ này cho bà 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

**\* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hồng T trình bày:**

Anh thừa nhận có tham gia góp 03 dây hụi nêu trên do bà G làm đầu thảo và hiện còn nợ lại bà tổng số tiền hụi chết là 50.680.000 đồng như bà trình bày. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 kéo dài nên anh không chạy xe kiếm tiền được và nợ tiền hụi chết của bà G đến nay đã 01 năm. Số tiền hốt hụi của 03 dây hụi trên thì anh sử dụng chung để lo cho gia đình. Nay anh nhận trách nhiệm trả hết số nợ này nhưng do kinh tế khó khăn, thu nhập mỗi tháng của anh chỉ được khoảng 6.000.000 đồng, vợ anh bị tai nạn giao thông không làm việc nặng được và anh còn phải lo cho hai con ăn học. Hiện anh là lao động chính trong gia đình nên anh xin trả dần nợ mỗi tháng 2.000.000 đồng. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Hợp đồng góp hui” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và cần được xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà G là có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ:

Căn cứ vào sổ hui và các biên nhận hui do nguyên đơn cung cấp cùng lời khai thừa nhận của bị đơn. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Bị đơn anh T có tham góp 03 dây hui 2.000.000 đồng/tháng khui vào các ngày 25/10/2018 (âm lịch), ngày 05/6/2019 (âm lịch) và ngày 15/8/2019 (âm lịch) do bà G làm đầu thảo. Quá trình thực hiện, sau khi anh T hốt hui thì không đóng lại hui chết cho đến khi mãn hui là đã vi phạm nghĩa vụ của hui viên. Bà G là đầu thảo đã góp thay đổi với 03 dây hui này với tổng số tiền là 52.000.000 đồng nên anh phải có nghĩa vụ hoàn trả lại bà G số tiền này theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường. Tuy nhiên, năm 2021 anh đã trả cho bà G được 1.320.000 đồng nên nay anh còn phải trả tiếp cho bà G số tiền nợ còn lại là 50.680.000 đồng.

Anh T xác định số tiền hui chết nêu trên là nợ chung của vợ chồng anh. Quá trình tố tụng, Tòa án đã giải thích quy định pháp luật nhưng bà G xác định chỉ khởi kiện yêu cầu anh T trả tiền cho bà nên Tòa án không đưa vợ anh T tham gia tố tụng và chỉ xem xét nghĩa vụ trả nợ của anh T để đảm bảo quyền tự định đoạt của nguyên đơn theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời gian trả tiền: Bà G yêu cầu anh T trả tiền 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật, anh T thì xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, anh T đã vi phạm nghĩa vụ góp hui mà hai bên thỏa thuận, để nợ kéo dài quá lâu và nay bà G không đồng ý cho anh trả dần nên yêu cầu của anh không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh T trả tiền cho bà G 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[4] Về án phí:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền nợ hui chết nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 2.534.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và bà đã được miễn nộp tạm ứng án phí do bà là người cao tuổi nên không phải hoàn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 471 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 17 và Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính

phủ về họ, hội, biểu, phường; Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

***Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Kim G.***

Buộc anh Nguyễn Hồng T có nghĩa vụ trả cho bà Châu Kim G tổng số tiền nợ hội là **50.680.000 đồng** (Năm mươi triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Thực hiện trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

- **Về án phí:** Anh T phải chịu 2.534.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- CC.THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nguyễn Bích Thiên***